

PHỤ LỤC

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NGHĨ

THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NĂM 2025 CỦA XÃ MINH LONG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2025 của UBND xã Minh Long)

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ- HDND (lần mức lương cơ sở/người/th áng)	Trong đó		Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã gđ 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm NHDKCT ở cấp xã (nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)				Lý do tinh giản biên chế	Ghi chú
							Mức phụ cấp theo mức khoản của Trung ương	Mức phụ cấp do tính hỗ trợ				Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHDKCT ở cấp xã	Tổng thời gian đảm nhận chức danh khác (Có đóng BHXH bắt buộc) nếu có		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm		
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21	
1	Xã Minh Long																				
1	Đình Thị Tập	02/02/1988	Trung cấp	Nội vụ - Thi đua - công đoàn	Thủ quỹ - Văn thư lưu trữ	1,86	1,5	0,36		01/6/2010	01/7/2025	15 năm 01 tháng	15 năm 01 tháng		22 năm 7 tháng	260.617.500	168.480.000	81.607.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của UBND xã Long Môn
2	Đình Thị Nghi	04/4/1984	Đại học	Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy	Kiểm tra, Tuyên giáo - Dân vận	2,34	1,5	0,84		01/01/2005	01/7/2025	20 năm 06 tháng	20 năm 06 tháng		18 năm 10 tháng	286.942.500	168.480.000	107.932.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 01/01/2025 của UBND xã Long Môn
3	Đình Văn Ách	04/3/1985	Cao đẳng	Phó Trưởng ban CHQS	Phó Trưởng ban CHQS	2,1	1,5	0,6		01/10/2009	01/7/2025	15 năm 9 tháng	15 năm 9 tháng		21 năm 9 tháng	263.250.000	168.480.000	84.240.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của UBND xã Long Môn
4	Đình Văn Yên	03/8/1988	Đại học	Lao động thương binh và Xã hội	Văn hóa, thể dục, thể thao - Công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em	2,34	1,5	0,84		01/6/2010	01/7/2025	15 năm 01 tháng	15 năm 01 tháng		25 năm 2 tháng	260.617.500	168.480.000	81.607.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của UBND xã Long Môn
5	Đình Thị Bía	30/12/1985	Đại học	PCT HLHPN	PCT HLHPN	2,34	1,5	0,84		15/6/2011	01/7/2025	14 năm 01 tháng	14 năm 01 tháng		20 năm 5 tháng	255.352.500	168.480.000	76.342.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 09/QĐ-BTV ngày 15/6/2011 của BTV Hội LHPN huyện
6	Đình Văn Thọ	20/01/1988	Đại học	Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi	PCT UBMTTQVN	2,34	1,5	0,84		01/6/2009	01/7/2025	16 năm 01 tháng	16 năm 01 tháng		24 năm 6 tháng	265.882.500	168.480.000	86.872.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của UBND xã Long Môn

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ HDND (lần mức lương cơ sở/người/th áng)	Trong đó		Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã gd 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm NHDKCT ở cấp xã (nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo ND 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)				Lý do tính gián biên chế	Ghi chú
							Mức phụ cấp theo mức khoản của Trung ương	Mức phụ cấp do tính hỗ trợ				Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHDKCT ở cấp xã	Tổng thời gian đảm nhận chức danh khác (Có đóng BHXH bắt buộc) nếu có		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm		
7	Đình Song Hào	02/6/1996	Đại học	Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thủ y cơ sở	Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thủ y cơ sở	2,34	1,5	0,84		01/11/2021	01/7/2025	3 năm 8 tháng	3 năm 8 tháng		33 năm	155.142.000	123.552.000	21.060.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện
8	Đình Thị Nít	08/7/1993	Cao đẳng	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	2,1	1,5	0,6		14/01/2016	01/7/2025	9 năm 6 tháng	9 năm 6 tháng		28 năm 01 tháng	229.027.500	168.480.000	50.017.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 07- QĐ/ĐTN ngày 14/01/2016 của BCH Đoàn huyện
9	Đình Văn Sin	20/7/1990	Đại học	PCT UBMTTQVN	PCT UBMTTQVN	2,34	1,5	0,84		16/02/2014	01/7/2025	11 năm 4 tháng	11 năm 4 tháng		27 năm 01 tháng	239.557.500	168.480.000	60.547.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 10/3/2014 của UBND huyện
10	Đình Văn Suốt	12/3/1989	Đại học	PCT Hội CCB	PCT Hội CCB	2,34	1,5	0,84		28/6/2011	01/7/2025	14 năm	14 năm		26 năm 6 tháng	252.720.000	168.480.000	73.710.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 32/QĐ-CCB ngày 28/6/2011 của Hội CCB huyện
11	Đình Xuân Huy	29/10/1996	Đại học	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	2,34	1,5	0,84		22/3/2017	01/7/2025	8 năm 3 tháng	8 năm 3 tháng		33 năm 4 tháng	223.762.500	168.480.000	44.752.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 72- QĐ/ĐTN ngày 22/3/2017 của BCH Đoàn huyện
12	Đình Thị Non	02/02/1985	Đại học	Dân số - Gia đình và Trẻ em	TC-VP Đảng ủy	2,34	1,5	0,84		01/6/2005	01/7/2025	20 năm 01 tháng	20 năm 01 tháng		19 năm 8 tháng	286.942.500	168.480.000	107.932.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 05/01/2006 của UBND xã Thanh An
13	Đình Thanh Minh	12/7/1986	Đại học	Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy	Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận	2,34	1,5	0,84		01/8/2012	01/7/2025	12 năm 11 tháng	12 năm 11 tháng		23 năm 01 tháng	247.455.000	168.480.000	68.445.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của UBND xã và có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2012
14	Đình Thị Kim Như	10/10/1983	Đại học	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	VH, TDTT - Công tác XH, DSBVTE	2,34	1,5	0,84		15/12/2006	01/7/2025	18 năm 7 tháng	18 năm 7 tháng		18 năm 4 tháng	279.045.000	168.480.000	100.035.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 38- QĐ/ĐTN ngày 15/12/2006 của BCH Đoàn huyện

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ HDND (lần mức lương cơ sở/người/th áng)	Trong đó		Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã gd 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm NHDKCT ở cấp xã (nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo ND 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)				Lý do tính giảm biên chế	Ghi chú
							Mức phụ cấp theo mức khoản của Trung ương	Mức phụ cấp do tính hỗ trợ				Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHDKCT ở cấp xã	Tổng thời gian đảm nhận chức danh khác (Có đóng BHXH bắt buộc) nếu có		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm		
15	Đinh Văn Cầm	19/02/1979	Trung cấp	Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi	Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa	1,86	1,5	0,36		01/01/2006	01/7/2025	19 năm 6 tháng	19 năm 6 tháng		15 năm 7 tháng	281.677.500	168.480.000	102.667.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/11/2006 của UBND xã Thanh An
16	Đinh Thị Bé	12/8/1989	Đại học	Thủ quỹ - Văn thư lưu trữ	Thủ quỹ - Văn thư lưu trữ	1,86	1,5	0,36		12/12/2023	01/7/2025	01 năm 7 tháng	01 năm 7 tháng		24 năm 6 tháng	74.412.000	53.352.000	10.530.000	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện
17	Phạm Văn Tha	16/9/1987	Đại học	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	PCT UBMTTQVN	2,34	1,5	0,84		01/01/2009	01/7/2025	16 năm 6 tháng	16 năm 6 tháng		24 năm 3 tháng	265.882.500	168.480.000	86.872.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 30/01/2009 của UBND huyện
18	Đinh Văn Ghết	28/8/1992	Đại học	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	PCT Hội Nông dân	2,34	1,5	0,84		05/4/2017	01/7/2025	8 năm 3 tháng	8 năm 3 tháng		29 năm 2 tháng	223.762.500	168.480.000	44.752.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND huyện
19	Huỳnh Thị Thu Hiền	28/12/1995	Đại học	Nội vụ - thi đua - Công đoàn kiểm thủ quỹ	PCT Hội LHPN	2,34	1,5	0,84		01/6/2018	01/7/2025	7 năm 1 tháng	7 năm 1 tháng		30 năm 6 tháng	218.497.500	168.480.000	39.487.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND xã Long Hiệp
20	Đinh Văn Tơ	11/9/1985	Cao đẳng	Phó Trưởng ban CHQS	Phó Trưởng ban CHQS	2,1	1,5	0,6		10/6/2017	01/7/2025	8 năm 01 tháng	8 năm 01 tháng		22 năm 2 tháng	223.762.500	168.480.000	44.752.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của UBND huyện
21	Lê Vũ Rô	28/3/1992	Trung cấp	Nội vụ - thi đua - Công đoàn	Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa	1,86	1,5	0,36		01/01/2013	01/7/2025	12 năm 6 tháng	12 năm 6 tháng		28 năm 8 tháng	244.822.500	168.480.000	65.812.500	10.530.000	Nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND huyện
	Tổng cộng															5.039.131.500	3.378.024.000	1.439.977.500	221.130.000		